

Bản án số: 74/2023/DSPT

Ngày 10 - 02 - 2023

V/v yêu cầu Tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết

Các thẩm phán: Bà Lê Thị Thanh Huyền

Ông Nguyễn Duy Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ái Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 352/2022/DSPT ngày 22/11/2022 “về việc yêu cầu Tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2022/DSST ngày 14-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'Gar, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 360/2022/QĐPT-DS ngày 26 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T - Chấp hành viên; Địa chỉ: Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị H; Địa chỉ: Thôn 2, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

2. Ông Nguyễn Đăng Q và bà Võ Thị L.

Bà Võ Thị L ủy quyền cho ông Nguyễn Đăng Q tham gia tố tụng.

Địa chỉ: Thôn 3, xã M, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã M, huyện C.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Sỹ K, chức vụ: Chủ tịch UBND - Có đơn xin từ chối tham gia tố tụng.

Địa chỉ: Xã M, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn T.

Cơ quan kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ngày 25/5/2010 Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nhận đơn yêu cầu thi hành án của ông Tô Văn V. Ngày 27/5/2010 chi cục trưởng THA ban hành quyết định THA số 505 để thi hành án đối với bà Nguyễn Thị H về việc bà H có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Tô Văn V số cà phê là 4350 kg cà phê nhân xô.

Quá trình thi hành án Chấp hành viên thông báo cho bà Nguyễn Thị H Quyết định thi hành án và giấy báo cho bà H ngày 08/6/2010.

Kết quả xác minh tại địa phương được biết: Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 78, tờ bản đồ 27, có diện tích 1560m² và 1160m², theo Giấy CNQSD đất số AI 687151. Do UBND huyện C cấp ngày 21/5/2007 cho ông Nguyễn Hữu Quỳnh S và bà Nguyễn Thị H. Tài sản này đã chuyển nhượng cho Nguyễn Quốc K và bà Nguyễn Thị V1 vào ngày 20/4/2011.

Quyền sử dụng đất có Giấy CNQSD đất số B0 389414, thửa số 31, 33; tờ bản đồ 29. Do UBND huyện C cấp ngày 10/9/2012 cho bà Nguyễn Thị H đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đăng Q và bà Võ Thị L ngày 21/10/2013 và sau đó được cấp Giấy CNQSD đất số BR 647129 ngày 07/7/2014 cho ông Nguyễn Đăng Q và bà Võ Thị L.

Ngoài ra, bà Nguyễn Thị H không còn tài sản gì khác. Nay bà H chuyển nhượng thửa đất nói trên cho ông Nguyễn Đăng Q và bà Võ Thị L không dùng tiền để thi hành án theo nội dung quyết định thỏa thuận của hai bên là nhằm mục đích tẩu tán tài sản là trái với quy định của pháp luật.

Căn cứ vào quy định của pháp luật Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện C đề nghị Tòa án tuyên bố giao dịch chuyển nhượng QSD đất giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Đăng Q, bà Võ Thị L vô hiệu theo quy định của pháp luật.

**** Bị đơn Bà Nguyễn Thị H trình bày:***

Vào năm 2006, để thuận lợi cho việc đi lại canh tác chồng tôi là ông Nguyễn Hữu Quỳnh S có thỏa thuận đổi đất cho gia đình ông Q. Đất của gia đình tôi tọa lạc tại thôn 8, xã M, có diện tích 3410m²; còn đất của gia đình ông Q (tôi không nhớ rõ diện tích) tọa lạc là tại thôn 13 xã E, huyện C. Tại thời điểm đổi đất thì đất của ông Q chưa có bìa đỏ, còn đất của gia đình tôi thì đã có bìa đỏ. Sau khi đổi đất thì ông Q sử dụng cho đến nay, còn diện tích đất của gia đình tôi đã cho ông Nguyễn Văn D (*em trai ông S*) canh tác, đến năm 2010 thì ông S đã sang nhượng lại cho ông Ngô Đăng S1.

Thửa đất của ông Q đổi cho gia đình tôi, mãi đến năm 2013 mới làm thủ tục sang nhượng để hợp thức hóa việc đổi đất. Sau đó, gia đình ông Q đã được

cấp giấy CNQSD đất số BR 647129 cho thửa số 31,33; tờ bản đồ 29; diện tích là 3.410m². Toàn bộ diện tích đất này hiện nay vẫn do gia đình ông Q canh tác, sử dụng.

Nay Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện C cho rằng tôi chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông Q để nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ là không đúng, tôi không đồng ý với yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu của cơ quan thi hành án. Bởi vì làm vậy sẽ xâm phạm đến quyền và lợi ích của gia đình ông Q, nợ của tôi tôi sẽ thu xếp trả, không liên quan gì đến gia đình ông Q.

Bị đơn ông Nguyễn Đăng Q và bà Võ Thị L trình bày:

Vào năm 2006, gia đình tôi và gia đình ông S, bà H có thỏa thuận về việc đổi đất cho nhau, mục đích là để thuận lợi cho việc đi lại, canh tác.

Tại thời điểm đổi đất thì đất của gia đình tôi chưa có bìa đỏ, còn đất của gia đình ông S, bà H đã có bìa đỏ. Sau khi đổi đất các bên đã tiến hành bàn giao đất cho nhau để canh tác. Gia đình tôi sử dụng thửa đất này từ năm 2006 cho đến nay không có tranh chấp với ai. Tại thời điểm đổi đất do chưa có nhu cầu mãi đến năm 2013 hai gia đình mới lập hợp đồng sang nhượng và gia đình tôi đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất số BR 647129, thửa số 31+33; tờ bản đồ 29; tổng diện tích là 3.410m².

Quá trình sử dụng đất vào năm 2008, có đường điện 220KV đi qua phần đất gia đình tôi đã đổi của bà H nên chính quyền địa phương và Ban bồi thường do Chủ tịch Ủy ban nhân huyện C đã tiến hành kiểm đếm tài sản và ký quyết định bồi thường cho gia đình tôi, gia đình tôi trực tiếp nhận tiền đền bù.

Nay Chấp hành viên, Chi cục Thi hành án dân sự huyện C cho rằng bà H chuyển nhượng thửa đất này cho gia đình tôi nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ trả nợ là không đúng. Vì vậy tôi không đồng ý với yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án. Bởi vì làm vậy sẽ xâm phạm đến quyền và lợi ích của gia đình tôi.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Sỹ K trình bày:***

Vào ngày 21/10/2013, thời điểm mà việc chứng thực hợp đồng chuyển nhượng QSD đất của các hộ dân thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã, phường, thị trấn. Ông Nguyễn Đình H1, lúc này là phó chủ tịch Ủy ban nhân xã M đã thực hiện việc chứng thực hợp đồng, giữa bên chuyển nhượng là bà Nguyễn Thị H và bên nhận chuyển nhượng là ông Nguyễn Đăng Q và bà Võ Thị L, đối với thửa đất số BO 398414, thửa số 31+33, tờ bản đồ 29, diện tích 3.410m², tọa lạc tại xã M, huyện C. Tại thời điểm hai bên ký hợp đồng đều tự nguyện, minh mẫn, đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tài sản không có tranh chấp với bên thứ ba nên

Ủy ban nhân xã M đã chứng thực hợp đồng nói trên. Nay xảy ra tranh chấp đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án sơ thẩm số 60/2022/DSST Ngày 14-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư M' Gar, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Áp dụng Điều 138; Điều 693; Điều 695; Điều 696 Bộ luật dân sự 2005.
- Áp dụng khoản 2 Điều 46 Luật đất đai 2003.
- Áp dụng khoản 4 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/10/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T - Chấp hành viên Chi cục THADS huyện C, tỉnh Đắk Lắk về yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, giữa bên chuyển nhượng là bà Nguyễn Thị H với bên được chuyển nhượng là ông Nguyễn Đăng Q, bà Võ Thị L, chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã M ngày 21/10/2013, đối với thửa đất có diện tích 3.410m², thửa số 31 +33, tờ bản đồ 29, tọa lạc tại xã M, huyện C vô hiệu.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng và án phí, tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/9/2022, Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T kháng cáo toàn bộ bản án. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm của theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 28/9/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar ban hành Quyết định kháng nghị số 443/QĐ-VKS-DS đối với bản án sơ thẩm số 60/2022/ DSST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar có những vi phạm sau: Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar chỉ căn cứ vào lời khai của các đương sự khai thửa đất số 31 +33, tờ bản đồ 29, tọa lạc tại xã M của vợ chồng ông S, bà H đã đổi cho vợ chồng ông Q, bà L từ năm 2006 nên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là không có cơ sở bởi lẽ:Việc đổi đất giữa bà Hoà với ông Q, bà L chỉ thoả thuận bằng miệng không có giấy tờ nào chứng minh có việc đổi đất trên thực tế giữa các bên.

Tại biên bản xác minh điều kiện thi hành án ngày 28/12/2010 tại UBND xã M xác nhận bà H có thửa đất số 31 +33, tờ bản đồ 29, tọa lạc tại xã M được UBND huyện C cấp GCNQSD đất số U 015343 ngày 19/12/2001.

Đến ngày 21/10/2013, bà Nguyễn Thị H chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đăng Q và bà Võ Thị L, thửa số 31+33, tờ bản đồ 29, diện tích 3.410m², tọa lạc tại xã M, huyện C.

Toà án cấp sơ thẩm nhận định, trước khi gửi đơn yêu cầu tuyên bố giao dịch vô hiệu chi cục THA không thông báo cho người được thi hành án là ông V, bà Tho thực hiện quyền khởi kiện trước là không chính xác. Bởi lẽ trong đơn khởi kiện Chấp hành viên đã nêu rõ có thông báo cho người được thi hành án thực hiện quyền của mình theo quy định tại Luật THADS nhưng hết thời hạn họ không thực hiện thì cơ quan THA thực hiện theo thẩm quyền.

Như vậy có đủ căn cứ xác định hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà Nguyễn Thị H với ông Nguyễn Đăng Q và bà Võ Thị L là nhằm mục đích tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ THA .

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, đơn kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định kháng nghị

Tại phiên tòa Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- *Về tố tụng*: Các đương sự trong vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Qua phân tích đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 - Đề nghị chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và Chấp nhận quyết định Kháng nghị số 443/QĐ-VKS-DS Ngày 28/9/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2022/DSST, Ngày 14-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'Gar, tỉnh Đắk Lắk như phân tích trên.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar làm trong hạn luật định nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Xét đơn khởi kiện và đơn kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar, thấy rằng:

[2.1]. Về yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu của Chấp hành viên - Chi cục Thi hành án dân sự huyện C: Quyết định công nhận thỏa thuận giữa các đương sự số 53/2010/QĐST-DS, ngày 21/4/2010 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar. Nội dung thỏa thuận thì bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả cho ông Tô Văn V, bà Đặng Thị T 4.350kg nhân xô.

Ngày 25/5/2010, Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nhận “Đơn yêu cầu thi hành án và Đơn cung cấp thông tin về điều kiện, tài sản của người phải thi hành án” của ông Tô Văn V.

Ngày 27/5/2010, Chi cục trưởng - Chi cục Thi hành án dân sự huyện C đã ban hành Quyết định THA số 505 để thi hành án quyết định nói trên đối với bà Nguyễn Thị H. Sau đó, ngày 28/12/2010 Chi cục Thi hành án dân sự huyện C đã tiến hành xác minh điều kiện thi hành án của người phải thi hành án và được UBND xã M cung cấp tài sản của bà Nguyễn Thị H (*người phải thi hành án*) có thửa đất số 31 +33, tờ bản đồ 29; diện tích là 3.410m². tọa lạc tại xã M được UBND huyện Cư M'gar cấp GCNQSD đất số U 015343 ngày 19/12/2001.

Quá trình giải quyết việc thi hành án, chấp hành viên đã tiến hành xác minh điều kiện thi hành án của bà Nguyễn Thị H nhiều lần nhưng không trực tiếp đến thực tế nơi có tài sản của người phải thi hành án để xác định tài sản của bà H để áp dụng các biện pháp bảo đảm thi hành án là vi phạm quy định tại các Điều 44, Điều 45; Điều 66, Điều 69 Luật Thi hành án dân sự 2008.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Q, bà L cung cấp: Tại đơn xác nhận ngày 10/5/2018, ông Nguyễn Văn L1, ông Hồ Xuân T1, ông Nguyễn Quốc T2 là những người có đất giáp ranh đối với 02 thửa đất trên là đều xác nhận gia đình ông Q đã trực tiếp canh tác trên hai thửa đất 31+33 từ năm 2006. Hợp tác xã nông nghiệp B, xã M xác nhận hộ ông Nguyễn Đăng Q có quyền sở hữu đối với thửa đất 31, 33 thuộc khu vực thôn 8 từ năm 2006. Năm 2008, ông Nguyễn Đăng Q đã kê khai diện tích đất trên vào đăng ký lưu trữ kinh doanh dịch vụ với Hợp tác xã đến nay không có tranh chấp.

Ban tự quản các thôn 3, thôn 8, xã M cũng xác nhận 02 thửa đất trên là tài sản của gia đình ông Nguyễn Đăng Q từ trước năm 2008. Quá trình sử dụng đất vào năm 2008 có đường điện 220KV Buôn Kuốp - Krông Búk đi qua thửa đất 31+33 thì gia đình ông Nguyễn Đăng Q được bồi thường theo Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 27/02/2009 của Ủy ban nhân huyện C “*Về việc phê duyệt phương án bồi thường thiệt hại giải phóng mặt bằng công trình: Đường dây 220KV Buôn Kuốp - Krông Búk đoạn tuyến đi qua huyện C*” với số tiền là **21.328.600 đồng**. Ông Nguyễn Đăng Q đã nhận đủ số tiền trên. Do vậy, có căn cứ xác định có việc trao đổi đất giữa gia đình ông Q, bà L với gia đình bà H từ năm 2006 là hoàn toàn có thật.

Để hợp thức hóa việc trao đổi đất, ngày 21/10/2013 bà Nguyễn Thị H và gia đình ông Nguyễn Đăng Q mới làm thủ tục sang nhượng cho nhau và được Ủy ban nhân xã M chứng thực, trên cơ sở đó ngày 07/7/2014 Ủy ban nhân

huyện C đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất số BR 647129, thửa số 31+33; tờ bản đồ 29; diện tích là 3.410m² cho ông Nguyễn Đăng Q và bà Võ Thị L.

[3]. Từ những phân tích và nhận định trên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn và chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T được miễn nộp án phí DSPT.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.
Không chấp nhận Quyết định kháng nghị số 443/QĐ-VKS-DS ngày 28/9/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 60/2022/DSST ngày 14-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'Gar, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Điều luật áp dụng:

- *Áp dụng Điều 693; Điều 695; Điều 696 Bộ luật dân sự 2005.*
- *Áp dụng khoản 2 Điều 46 Luật đất đai 2003.*
- *Áp dụng khoản 4 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/10/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T - Chấp hành viên Chi cục THADS huyện C, tỉnh Đắk Lắk về yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, giữa bên chuyển nhượng là bà Nguyễn Thị H với bên được chuyển nhượng là ông Nguyễn Đăng Q, bà Võ Thị L, chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã M ngày 21/10/2013, đối với thửa đất có diện tích 3.410m², thửa số 31 +33, tờ bản đồ 29, tọa lạc tại xã M, huyện C vô hiệu.

[3] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02);
- TAND Tp. huyện C ;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Thị Tuyết

